

Bản án số: 24 /2017/HNGĐ-ST

Ngày 15-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Trần Hữu Vinh**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Công Chi**

2. Ông **Nguyễn Văn Hiễn**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Thanh Hùng**- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu - TP Đà Nẵng.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2017 về việc “ *Ly hôn, nuôi con chung* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐXX - ST ngày 14/7/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Ngọc D - Sinh năm: 1974. Địa chỉ: Tổ 111, phường H, quận L, Tp Đ.

- Bị đơn: Ông Trần Hữu Đ – Sinh năm: 1968. Địa chỉ: Tổ 111, phường H, quận L, Tp Đ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ thường xuyên uống rượu về đánh đập bà D, không có trách nhiệm với gia đình. Hiện nay, bà D không còn tình cảm với ông Đ, mâu thuẫn cũng đã kéo dài nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông Trần Hữu Đ.

- Về con chung: Vợ chồng bà D có 01 con chung tên là Trần Hữu Đ1 - Sinh ngày: 11/7/2012. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1 và yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Bà D xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Bà D xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

- **Về tố tụng:** Ông Trần Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông Đ vẫn vắng mặt, không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

- **Về nội dung:**

1. Quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đ thường xuyên say xỉn về đánh đập, bạo hành với bà D. Sự mâu thuẫn này cũng đã được Tòa án hòa giải. Vợ chồng ông Đ đoàn tụ theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 38/2016/QĐST – HNGĐ ngày 22/12/2016 của TAND quận Liên Chiểu. Tuy nhiên, đến nay mâu thuẫn vẫn tiếp diễn. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án này, Tòa án nhiều lần thông báo cho ông Đ để hòa giải nhưng ông Đ không hợp tác, không có nguyện vọng được đoàn tụ. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận, mâu thuẫn của vợ chồng ông Đ đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật HN & GD.

2. Quan hệ con chung: Bà D khai nhận vợ chồng bà có 01 con chung là Trần Hữu Đ1 - Sinh ngày: 11/7/2012. Ly hôn, bà Diễm yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đ1. HĐXX xét thấy, cha và mẹ đều có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu Đ1 đang sống ổn định với bà D, được bà D chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nên nguyện vọng của bà D yêu cầu Tòa án cho bà D được nuôi dưỡng cháu Đ1 phù hợp theo quy định của Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng : Trong đơn khởi kiện, bà D có yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa hôm nay, bà D thay đổi yêu cầu, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, HĐXX không xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Bà D xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Nợ chung: Bà D xác định không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 56, 81,82,83 Luật HN & GD; Điều 147, Điều 227, Điều 273 BLTTDS. Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm và quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc D về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Trần Hữu Đ.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Lê Thị Ngọc D được ly hôn với ông Trần Hữu Đ.

2. *Về quan hệ con chung:* Giao cháu Trần Hữu Đ1 – Sinh ngày: 11/7/2012 cho bà Lê Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Hữu Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Lê Thị Ngọc D phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 006870 ngày 22/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu – TP Đà Nẵng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục T.H.A DS quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Hiệp Nam.

- Lưu.

Trần Hữu Vinh